

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-PT

Ngày: 18-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Phong

Ông Vũ Hoàng Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo .

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Tấn P, sinh năm 1992; tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tấn H (đã chết); con bà Trần Thị N, sinh năm 1954; có vợ là Trịnh Thu H, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: **Bà Lê Thị T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2B, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị N, sinh năm 1954 (có mặt)

Trú tại: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên không được Tòa án triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn P có chiếc xe ô tô biển kiểm soát (BKS): 51A-416.37 không có giấy tờ hợp pháp (xe bị đục số khung, số máy, giấy tờ giả). Trong quá trình sử dụng, cả ba làm hợp đồng ủy quyền giả để đi cầm cố cho người khác lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Vào khoảng tháng 9/2015, H nhờ Nguyễn Văn K tìm người cầm cố xe ô tô với số tiền 500.000.000 đồng. K hỏi Nguyễn Thị O (là người quen của K) xem có ai nhận cầm cố xe không. Do trước đây giữa O và chị Lê Thị T có làm ăn chung và cho người khác vay tiền nên O gọi điện thoại cho T hỏi có cầm cố xe ô tô không, T hỏi O nguồn gốc xe như thế nào, nếu đúng nguồn gốc thì cầm, O nói với T là sẽ nhờ người đi coi xe. Sau đó, O và K liên lạc với H để kiểm tra xe ô tô BKS 51A-416.37. Qua kiểm tra số khung, số máy của xe thì thấy trùng khớp với giấy chứng nhận đăng ký xe nên K nói cho O biết là xe có giấy tờ hợp pháp thì O gọi điện báo lại cho T nên T đồng ý cầm xe. Do T không có giấy phép cầm đồ nên T và O thống nhất với nhau là sẽ làm hợp đồng mua bán xe nếu trong thời gian 02 tháng mà người cầm cố xe ô tô không chuộc lại thì T sẽ làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau đó, O thỏa thuận với H như nội dung trên và H đồng ý. Ngày 21/9/2015, T kêu con trai là Lê Quang Bá D cầm số tiền 500.000.000 đồng mang xuống Văn phòng công chứng Đ tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước gặp O để làm hợp đồng mua bán xe. Khi gặp K và O tại Văn phòng Công chứng Đ thì Nguyễn Văn T giới thiệu tên của mình là Cao Minh H (tên của người nhận ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền mà T, H, P làm giả trước đó) là chủ sở hữu chiếc xe ô tô và đưa ra bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan đến xe ô tô để ký hợp đồng bán xe. T ký, viết tên của mình là Cao Minh H và lấn dấu vân tay của mình vào hợp đồng mua bán xe ô tô được Văn phòng công chứng Đ lập. Sau đó, H, T, P, O, K, D ra quán ăn “Như Ý” tại thị trấn T, huyện Đ ăn trưa. Tại đây, D đưa số tiền 500.000.000 đồng cho O để O đưa cho T nhưng thực tế O chỉ đưa cho T 450.000.000 đồng và giữ lại 50.000.000 đồng (tiền lãi suất cầm cố xe trong 02 tháng) thì T, H, P đồng ý. T, H, P đếm đủ số tiền 450.000.000 đồng, H đưa cho K 10.000.000 đồng tiền hoa hồng nhờ cầm cố xe. O cầm số tiền 50 triệu đồng lãi suất đưa cho D để đem về cho T. D đem xe ô tô về gửi tại nhà O tại huyện Đ. Hết thời gian đã thỏa thuận như trong hợp đồng nhưng không thấy T đến chuộc lại xe nên chị T và D đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục sang tên chủ sở hữu thì được biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 51A-416.37 không đúng trong dữ liệu đăng ký xe. Nghi ngờ mình bị lừa đảo nên anh D làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước.

Tại bản Kết luận giám định số 341/2017/GĐ-KTHS ngày 09/8/2017 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Xe ô tô Số khung: Hàn thanh kim loại có dây chữ, số tự đục vào; số máy: mài mòn đục mới.

Kết luận giám định số 25/2018/GĐ-KTHS ngày 30/01/2018, của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Dấu vết đường vân cần giám định của người có tên Cao Minh H trong hợp đồng mua bán xe ngày 21/9/2015, số công chứng 003282, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD với lần lượt dấu vân tay ngón “Trỏ trái”, “Trỏ phải” in trên biên bản thu mẫu vân tay của Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cung cấp là của cùng một người.

Tại bản Kết luận giám định số 321/2018/GĐ-KTHS ngày 23/10/2018, của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng Đ địa chỉ trụ sở 277 M, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Phước cung cấp với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu vân tay lúc 16h00 ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Đỗ Gia Á trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng Đ địa chỉ trụ sở 277 M, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước (PC01) cung cấp với dấu vân tay in trên bản sao tờ khai chứng minh nhân dân số 285563137 ghi tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 29/3/1978, HKTT: khu phố T, Phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cung cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Võ Thị L trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng Đ địa chỉ trụ sở 277 M, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước (PC01) cung cấp với dấu vân tay in trên bản sao tờ khai chứng minh nhân dân số 285666347 ghi tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/10/1992 HKTT: khu phố T, phường T, thị xã Đ, Bình Phước do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cung cấp là do cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H trong giấy cam kết nhận tiền năm 2015 với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu dấu vân tay lúc 16 giờ 00 ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H trong giấy cam kết nhận tiền năm 2015 phía sau có chữ ký, chữ viết ghi tên Cao Minh H “Tôi tên Cao Minh H đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ. Năm trăm triệu chẵn” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị O với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu vân tay lúc 16 giờ ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, SN: 1988,

HKTT: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 321/2018/GĐKTHS ngày 12/11/2018 của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Chữ ký mang tên THUỖNG TÁ Nguyễn Hoàng D trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký của THUỖNG TÁ Nguyễn Hoàng D – Phó Trưởng phòng CSGT ĐB-ĐS Công an thành phố Hồ Chí Minh trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình tròn nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG Đ * S.Đ.K.H Đ 41020032 – T.P* QUẬN 11- TP.HỒ CHÍ MINH*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ viết tay ghi “tôi đã đọc ...rõ và đồng ý” ở mặt trước và “Tôi Tên Cao Minh H đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ. Năm trăm triệu chẵn” trên mặt sau của tài liệu cần giám định ký hiệu A3; “Tôi đã đọc Hiểu rõ và đồng ý” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã Tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, các Điều 17, 38, 50, 58; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam là ngày 10/10/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2020, bị cáo Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt,

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm nhận định và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 BLTTHS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tấn P không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng chỉ làm những công việc mà Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T nhờ và không có mục đích lợi nhuận, không biết rõ mục đích lừa đảo của H và T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo hoàn toàn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của T, H, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 21/9/2015, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Tấn P sử dụng xe ô tô không có giấy tờ hợp pháp và thuê người làm giấy tờ giả của xe ô tô BKS 51A-416.37 để nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt 450.000.000 đồng của bà Lê Thị T, Lê Quang Bá D bằng giao dịch bán xe tại Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là BLHS) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có ông, bà ngoại là người có công với cách mạng, có vợ đang nuôi con nhỏ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 7 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai cáo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại (mặc dù bị hại không đồng ý nhận nhưng thể hiện bị cáo có thiện chí khắc phục bồi thường) nên cần áp dụng cho bị cáo là phù hợp, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền bồi thường khắc phục thêm cho bị hại với số tiền 20.000.000 đồng; bị cáo tham gia chỉ với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu; bị cáo có mẹ là bà Trần Thị N được hội liên hiệp phụ nữ thị xã (nay là thành phố) được tặng Giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác hội năm 2007; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động chính trong gia đình; có vợ là Trịnh Thu H bị bệnh suy tim; có mẹ là bà Trần Thị N hiện nay già yếu đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để giảm nhẹ một

phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

[4] Trách nhiệm dân sự: Do tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HSST ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ và bản án hình sự phúc thẩm số 93/2019/HS-PT ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã giải quyết về phần bồi thường thiệt hại cho bị hại trong vụ án. Nhưng do bị cáo P và gia đình bị cáo P tự nguyện khắc phục thêm cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng nên cần ghi nhận ý chí của bị cáo với bị hại. Do vậy, số tiền 20.000.000 đồng bà N nộp để khắc phục hậu quả cho bị hại theo phiếu thu ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước cần tuyên giao lại cho bị hại bà Lê Thị T.

[5] Do bà Trần Thị N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền bà đã nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn P.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, các Điều 17, 38, 50, 54, 58; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

Áp dụng khoản 3 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 68/2020/HSPT ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Tuyên giao số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại bà Lê Thị T (bà Trần Thị N đã nộp bồi thường khắc phục hậu quả thay bị cáo vào ngày

10/8/2020).

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn P không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư Pháp; (1)
- TAND, VKSND huyện Đ; (2)
- Chi cục THADS huyện Đ; (1)
- Công an huyện Đ; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong Vũ Hoàng Linh

Nguyễn Thị Nga

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 27 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện Bù Đăng; (2)
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng; (1)
- Công an huyện Bù Đăng; (1)
- Bị hại; (1)
- Người CQLNVLQ;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoàng Linh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Văn Thư Lê Hồng Hạnh

Bùi Văn Bình